Người ký: Ủy ban Nhân dân thành phố Hạ Long
Email: ubndhl@quangninh.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Quảng Ninh
Thời gian ký: 08.05.2020 11:15:16 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3557/UBND-TCNV V/v báo cáo tổng hợp số lượng hồ sơ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên năm 2020	*Hạ Long, ngày 27 tháng 4 năm 2020*

Kính gửi: Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ninh.

Thực hiện Công văn số 748/SNV-CCVC ngày 15/4/2020 của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ninh về việc tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên năm 2020; Công văn số 483/SNV-CCVC ngày 11/3/2020 của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ninh về việc tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập năm 2020,

Ủy ban nhân dân Thành phố Hạ Long báo cáo Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ninh về việc tổng hợp hồ sơ đủ điều kiện dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên năm 2020, cụ thể như sau:

Tổng số: **183** hồ sơ, gồm:

a. Khối Mầm non: 22 hồ sơ.

Dự thi từ hạng III lên hạng II: 22 hồ sơ.

b. Khối Tiểu học: 111 hồ sơ.

Dự thi từ hạng III lên hạng II: 111 hồ sơ.

c. Khối THCS: 47 hồ sơ.

- Dự thi từ hạng II lên hạng I: 33 hồ sơ.
- Dự thi từ hạng III lên hạng II: 14 hồ sơ.

d. Khối THPT: 03 hồ sơ.

- Dự thi từ hạng II lên hạng I: 0.
- Dự thi từ hạng III lên hạng II: 03 hồ sơ.

(Có biểu chi tiết và hồ sơ kèm theo)

Ủy ban nhân dân Thành phố Hạ Long báo cáo Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ninh biết./.

Nơi nhận:
- Như trên (b/c);
- Các cơ quan: Tổ chức - Nội vụ Thành phố; Phòng Giáo dục và Đào tạo Thành phố (đ/b);
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Phạm Hồng Hà

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG

Biểu số 2

DANH SÁCH VIÊN CHỨC ĐỦ TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN MẦM NON

(Kèm theo Công văn số 3557/UBND-TCNV ngày 27/4/2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hạ Long)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian xếp lươngchức danh nghề nghiệp giáo viên hạng ...hoặc tương đương (tính đến T3/2020)	Thời gian xếp lương chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng ... (tính đến T3/2020)	Lương hiện hưởng				Văn bằng chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Được miễn thi		Ghi chú
		Nam	Nữ					Bậc lương	Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp	Hưởng từ ngày	Trình độ chuyên môn	Năm tốt nghiệp	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
	Từ hạng III lên hạng II																	
1	Lam Thúy Thanh		09/12/1983	Phó Hiệu trưởng	Mầm non Hà Phong	8N9T	3N3T	6	3,65	V.07.02.05	01/12/2019	Cử nhân GDMN	2017	B	B			
2	Trần Phương Thảo		20/08/1980	Giáo viên	Mầm non Hạ Long	7N8T	3N3T	6	3.65	V.07.02.05	01.07.2018	Cử nhân GDMN	2013	B	B			
3	Trần Thị Huyền Trang		'08/10/1991	Giáo viên	Mầm non Trới	6n6t	3n1t	3	2,72	V.07.02.05	01/9/2018	ĐHSP Mầm non	2014	TH CB	TOEFLITP			
4	Nguyễn Thị Tuyết		05/01/1988	Giáo viên	Mầm non Trới	7n7t	3n1t	3	2,72	V.07.02.05	01/9/2018	ĐHSP Mầm non	2018	TH CB	TOEFLITP			
5	Nguyễn Thị Thu Huyền		20/10/1976	Hiệu trưởng	Mầm non Sơn Dương	15n7t	3n1t	6	3.65	V.07.02.05	01/5/2019	ĐHSP Mầm non	2019	Tin B	Anh B			
6	Lương Thị Lường		23/6/1985	Giáo viên	Mầm non Thống Nhất	12n3t	3n1t	5	3,34	V.07.02.05	01/10/2018	ĐHSP Mầm non	2019	Tin B	Anh B			
7	Nguyễn Thị Hòa		19/01/1990	Giáo viên	Mầm non Thống Nhất	6n7t	3n1t	3	2,72	V.07.02.05	01/9/2019	ĐHSP Mầm non	2017	Tin B	Anh B			
8	Trương Thị Hoài		03/02/1983	Giáo viên	Mầm non Quảng La	10n5t	3n1t	5	3,34	V.07.02.05	01/7/2018	ĐHSP Mầm non	2019	Tin B	Anh B			
9	Lê Thị Uyển		04/5/1985	Phó Hiệu trưởng	Mầm non Tân Dân	10n1t	3n1t	5	3,34	V.07.02.05	01/5/2018	ĐHSP Mầm non	2014	Tin B	Anh B			
10	Lý Thị Nguyên		01/3/1989	Giáo viên	Mầm non Tân Dân	8n7t	3n1t	3	2,72	V.07.02.05	01/11/2017	ĐHSP Mầm non	2018	Tin B	Anh B			
11	Bàn Thị Vân		08/10/1982	Giáo viên	Mầm non Tân Dân	10n5t	3n1t	5	3,34	V.07.02.05	01/5/2018	ĐHSP Mầm non	2018	Tin B	Anh B			
12	Nguyễn Thị Thương		02/9/1981	Giáo viên	Mầm non Tân Dân	10n1t	3n1t	5	3,34	V.07.02.05	01/5/2018	ĐHSP Mầm non	2014	Tin B	Anh B			
13	Triệu Thị Thanh Thúy		22/11/1983	Giáo viên	Mầm non Tân Dân	10n5t	3n1t	5	3,34	V.07.02.05	01/5/2018	ĐHSP Mầm non	2017	Tin B	Anh B			
14	Phạm Thị Quy		30/10/1984	Giáo viên	Mầm non Tân Dân	10n1t	3n1t	5	3,34	V.07.02.05	01/5/2018	ĐHSP Mầm non	2014	Tin A	Anh B			
15	Triệu Thị Hiên		10/6/1987	Giáo viên	Mầm non Tân Dân	9n7t	3n1t	4	3,03	V.07.02.05	01/9/2019	ĐHSP Mầm non	2017	Tin B	Anh B			
16	Đỗ Thị Vân		04/4/1970	Hiệu trưởng	Mầm non Đồng Sơn	10 n6t	3n1t	9	4.58	V.07.02.05	01/5/2019	ĐHSP Mầm non	2019	Tin B	Anh B			
17	Lã Thị Thảo		18/8//1985	Giáo Viên	Mầm non Đồng Sơn	7n10t	3n1t	5	3.34	V.07.02.05	01/5/2017	ĐHSP Mầm non	2019	Tin B	Anh B			

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian xếp lươngchức danh nghề nghiệp giáo viên hạng ...hoặc tương đương (tính đến T3/2020)	Thời gian xếp lương chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng ... (tính đến T3/2020)	Lương hiện hưởng				Văn bằng chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Được miễn thi		Ghi chú
		Nam	Nữ					Bậc lương	Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp	Hưởng từ ngày	Trình độ chuyên môn	Năm tốt nghiệp	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
18	Nguyễn Thị Thắm		14/5/1985	Giáo viên	Mầm non Đồng Sơn	14n 6t	3n1t	5	3,34	V.07.02.05	01/5/2017	ĐHSP Mầm non	2018	Tin B	Anh B			
19	Đỗ Thị Hoa		16/6/1991	Giáo viên	Mầm non Vũ Oai	6n6t	3n1t	3	2.72	V.07.02.05	01/9/2019	ĐHSP Mầm non	2018	Tin B	Anh B			
20	Lý Thị Ngoan		18/4/1984	Giáo viên	Mầm non Kỳ Thượng	10n5t	3n1t	5	3,34	V.07.02.05	01/3/2020	ĐHSP Mầm non	2018	Tin A	Anh B			
21	Nguyễn Thị Thanh Tâm		25/10/1985	Giáo viên	Mầm non Đồng Lâm	13 năm	3n1t	5	3.34	V.07.02.05	01/9/2019	ĐHSP Mầm non	2019	Tin B	Anh B			
22	Đỗ Thị Gái		28/9/1990	Giáo viên	Mầm non Dân Chủ	8n4t	3n1t	3	2,72	V.07.02.05	01/9/2019	ĐHSP Mầm non	2019	Tin B	Anh B			

(Ấn định Danh sách trên có 22 người)

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG

Biểu số 3

DANH SÁCH VIÊN CHỨC ĐỦ TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN TIỂU HỌC

(Kèm theo Công văn số 3557/UBND-TCNV ngày 27/4/2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hạ Long)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian xếp lươngchức danh nghề nghiệp giáo viên hạng ...hoặc tương đương (tính đến T3/2020)	Thời gian xếp lương chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng ... (tính đến T3/2020)	Lương hiện hưởng				Văn bằng chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Được miễn thi		Ghi chú
		Nam	Nữ					Bậc lương	Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp	Hưởng từ ngày	Trình độ chuyên môn	Năm tốt nghiệp	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
	Từ hạng III lên hạng II																	
1	Nguyễn Khắc Hùng	06/5/1982		Giáo viên	Tiểu học Hữu Nghị	8N10T	3N4T	4	3,03	V.07.03.08	01/5/2019	Đại học	2012	B	B			
2	Nguyễn Thị Lưu		23/02/1990	Giáo viên	Tiểu học Hữu Nghị	6N3T	3N4T	2	2,41	V.07.03.08	01/8/2017	Cử nhân GDTH	2015	B	B			
3	Đoàn Thị Hồng Diễm		15/12/1986	Giáo viên	Tiểu học Hữu Nghị	7N3T	3N4T	3	2,72	V.07.03.08	01/10/2018	Cử nhân GDTH	2014	B	B			
4	Đào Thị Thương		30/9/1980	Tổ trưởng CM	Tiểu học Minh Hà	10N4T	3N4T	4	3.03	V.07.03.08	01/01/2018	Cử nhân GDTH	2012	CNTTCB	A2			
5	Đào Thị Ngọc Hà		14/12/1983	Tổ trưởng CM	Tiểu học Minh Hà	8N9T	3N4T	3	2.72	V.07.03.08	01/5/2018	Cử nhân GDTH	2015	A	B			
6	Nguyễn Thị Trang		16/10/1989	Giáo viên	Tiểu học Minh Hà	6N3T	3N4T	3	2.72	V.07.03.08	01/3/2020	Cử nhân GDTH	2015	CNTTCB	B			
7	Ngô Thị Thảo		08/3/1988	Giáo viên	Tiểu học Minh Hà	8N6T	3N4T	3	2.72	V.07.03.08	01/11/2017	Cử nhân GDTH	2015	A	B			
8	Nguyễn Thị Thu Hiền		10/6/1987	Giáo viên	Tiểu học Trần Hưng Đạo	6N3T	3N4T	3	2.72	V.07.03.08	01/3/2020	Cử nhân GDTH	2018	B	B			
9	Nguyễn Thị Duyên		14/02/1984	Giáo viên	Tiểu học Trần Hưng Đạo	10N2T	3N4T	4	3.03	V.07.03.08	01/9/2018	Cử nhân GDTH	2018	B	B			
10	Nguyễn Thị Hường		12/7/1987	Giáo viên	Tiểu học Trần Hưng Đạo	9N	3N4T	3	2.72	V.07.03.08	01/5/2019	Cử nhân GDTH	2013	CNTTCB	B			
11	Nguyễn Thị Thu Phương		27/6/1990	Giáo viên	Tiểu học Trần Hưng Đạo	6N3T	3N4T	3	2.72	V.07.03.08	01/5/2019	Cử nhân GDTH	2016	B	C			
12	Nguyễn Thị Ngọc Ánh		18/9/1989	Giáo viên	Tiểu học Trần Hưng Đạo	6N3T	3N4T	3	2.72	V.07.03.08	01/3/2020	Cử nhân GDTH	2016	A	B			
13	Nguyễn Thị Nga		07/12/1989	Giáo viên	Tiểu học Trần Hưng Đạo	7N4T	3N4T	3	2.72	V.07.03.08	01/8/2018	Cử nhân GDTH	2013	B	B			

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian xếp lươngchức danh nghề nghiệp giáo viên hạng ...hoặc tương đương (tính đến T3/2020)	Thời gian xếp lương chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng ... (tính đến T3/2020)	Lương hiện hưởng				Văn bằng chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Được miễn thi		Ghi chú
		Nam	Nữ					Bậc lương	Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp	Hưởng từ ngày	Trình độ chuyên môn	Năm tốt nghiệp	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
14	Nguyễn Thị Trang		18/8/1981	Giáo viên	Tiểu học Trần Hưng Đạo	10N	3N4T	4	3.03	V.07.03.08	01/01/2019	Cử nhân SP Âm nhạc	2019	B	B			
15	Hoàng Thị Thu Quỳnh		26/11/1988	Giáo viên	Tiểu học Quang Trung	6N3T	3N4T	3	2,72	V.07.03.08	01/3/2019	Cử nhân GDTH	2019	B	B			
16	Hoàng Thị Hồng Mai		30/6/1989	Giáo viên	Tiểu học Quang Trung	6N3T	3N4T	3	2,72	V.07.03.08	01/3/2020	Cử nhân GDTH	2013	CNTTCB	C			
17	Bùi Thu Phương		06/9/1989	Giáo viên	Tiểu học Quang Trung	7N3T	3N4T	3	2,72	V.07.03.08	01/11/2018	Cử nhân GDTH	2016	B	B			
18	Bùi Thị Ánh Nguyệt		05/6/1982	Giáo viên	Tiểu học Quang Trung	6N3T	3N4T	3	2,72	V.07.03.08	01/3/2019	Cử nhân GDTH	2016	CNTTCB	B		x	
19	Vương Thị Sen		09/10/1989	Giáo viên	Tiểu học Quang Trung	7N3T	3N4T	3	2,72	V.07.03.08	01/11/2018	Cử nhân GDTH	2015	B	B			
20	Nguyễn Thị Thúy Ngân		12/4/1989	Giáo viên	Tiểu học Việt Hưng	6N3T	3N4T	3	2,72	V.07.03.08	01/3/2020	Cử nhân GDTH	2017	B	B			
21	Phạm Thị Đông Phương		22/7/1990	Giáo viên	Tiểu học Việt Hưng	6N3T	3N4T	3	2,72	V.07.03.08	01/11/2018	Cử nhân GDTH	2015	CNTTCB	B			
22	Lê Thị Hồng Hà		01/11/1986	Giáo viên	Tiểu học Hạ Long	10N4T	3N4T	4	3,03	V.07.03.08	01/01/2019	Cử nhân GDTH	2012	B	C		x	
23	Bùi Thị Hiền		10/9/1988	Giáo viên	Tiểu học Hạ Long	7N3T	3N4T	3	2.72	V.07.03.08	01/9/2018	Cử nhân GDTH	2013	B	C		x	
24	Đinh Thị Bích Thủy		21/3/1988	Giáo viên	Tiểu học Hạ Long	9N1T	3N4T	2	2.41	V.07.03.08	01/4/2018	Cử nhân GDTH	2015	CNTTCB	C		x	
25	Hoàng Nguyễn Quang	04/12/1986		Giáo viên	Tiểu học Hạ Long	6N3T	3N4T	2	2,41	V.07.03.08	01/02/2019	Cử nhân GDTH	2015	CNTTCB	C		x	
26	Lê Hải Yến		27/9/1987	Giáo viên	Tiểu học Hạ Long	9N	3N4T	3	2.72	V.07.03.08	01/5/2018	ĐHSP Âm nhạc	2010	CNTTCB	C		x	
27	Lê Thị Trang		13/12/1989	Giáo viên	Tiểu học Hạ Long	8N1T	3N4T	3	2.72	V.07.03.08	01/4/2019	Cử nhân GDTH	2013	B	C			
28	Đỗ Thị Hà		18/3/1986	Giáo viên	Tiểu học Cao Xanh	7N3T	3N4T	3	2,72	V.07.03.08	01/4/2018	Cử nhân GDTH	2015	B	B			
29	Ngô Thị Thúy Trang		24/01/1989	Giáo viên	Tiểu học Cao Xanh	6N3T	3N4T	3	2,72	V.07.03.08	01/3/2019	Cử nhân GDTH	2013	B	B			
30	Bùi Thị Ngọc Mai		09/10/1989	Giáo viên	Tiểu học Trần Quốc Toản	6N3T	3N4T	3	2.72	V.07.03.08	01/3/2020	Cử nhân GDTH	2015	B	B			

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian xếp lươngchức danh nghề nghiệp giáo viên hạng ...hoặc tương đương (tính đến T3/2020)	Thời gian xếp lương chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng ... (tính đến T3/2020)	Lương hiện hưởng				Văn bằng chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Được miễn thi		Ghi chú
		Nam	Nữ					Bậc lương	Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp	Hưởng từ ngày	Trình độ chuyên môn	Năm tốt nghiệp	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
31	Đặng Thị Thùy Linh		14/10/1989	Giáo viên	Tiểu học Trần Quốc Toản	6N3T	3N4T	3	2.72	V.07.03.08	01/3/2020	Cử nhân GDTH	2015	CNTTCB	B			
32	Phạm Thị Vân Anh		05/7/1986	Giáo viên	Tiểu học Trần Quốc Toản	6N3T	3N4T	3	2.72	V.07.03.08	01/3/2020	Cử nhân GDTH	2016	CNTTCB	B			
33	Lưu Ngọc Lan		02/6/1990	Giáo viên	Tiểu học Trần Quốc Toản	6N3T	3N4T	3	2.72	V.07.03.08	01/02/2020	Cử nhân GDTH	2016	CNTTCB	B			
34	Phạm Thị Hạnh		09/8/1985	Giáo viên	Tiểu học Trần Quốc Toản	9N1T	3N4T	3	2.72	V.07.03.08	01/8/2018	Cử nhân GDTH	2019	CNTTCB	B			
35	Hoàng Thị Bảo Trang		08/11/1990	Giáo viên	Tiểu học Trần Quốc Toản	6N3T	3N4T	3	2.72	V.07.03.08	01/02/2020	Cử nhân GDTH	2015	CNTTCB	B			
36	Nguyễn Thị Dung		07/3/1989	Giáo viên	Tiểu học Trần Quốc Toản	8N	3N4T	3	2.72	V.07.03.08	01/5/2019	Cử nhân GDTH	2015	CNTTCB	B			
37	Vũ Thị Hồng		15/12/1988	Giáo viên	Tiểu học Trần Quốc Toản	6N3T	3N4T	3	2.72	V.07.03.08	01/02/2020	Cử nhân GDTH	2017	B	B			
38	Vũ Thị Phương		09/6/1987	Giáo viên	Tiểu học Lê Hồng Phong	8N8T	3N4T	3	2.72	V.07.03.08	01/9/2017	Cử nhân GDTH	2013	B	B			
39	Hoàng Thị Lan		16/4/1994	Giáo viên	Tiểu học Lê Hồng Phong	6N3T	3N4T	3	2,72	V.07.03.08	01/9/2019	Cử nhân GDTH	2014	B	C			
40	Trần Thị Hường		19/02/1984	Giáo viên	Tiểu học Lê Hồng Phong	10N6T	3N4T	3	2,72	V.07.03.08	01/11/2016	Cử nhân GDTH	2014	CNTTCB	C			
41	Trần Ngọc Thu Sang		28/9/1988	Giáo viên	Tiểu học Lê Hồng Phong	9N	3N4T	3	2,72	V.07.03.08	01/6/2017	Cử nhân GDTH	2015	CNTTCB	Bậc 3			
42	Trần Thị Phương Thủy		01/4/1990	Giáo viên	Tiểu học Cao Thắng	6N3T	3N4T	2	2.41	V07.03.08	01/3/2017	Cử nhân GDTH	2015	CNTTCB	B	B		
43	Trần Thị Huyền		11/9/1988	Giáo viên	Tiểu học Hà Lầm	7N3T	3N4T	4	3.03	V.07.03.08	01/5/2020	Cử nhân GDTH	2015	CNTTCB	B			
44	Vũ Thị Thu Hương		09/7/1990	Giáo viên	Tiểu học Hà Lầm	6N3T	3N4T	3	2,72	V.07.03.08	01/3/2020	Cử nhân GDTH	2015	B	A2			
45	Trần Thị Thanh		14/01/1979	Giáo viên	Tiểu học Hà Lầm	14N10T	3N4T	6	3,65	V.07.03.08	01/9/2019	Cử nhân GDTH	2017	CNTTCB	C			
46	Nguyễn Thị Hạnh		13/5/1988	Giáo viên	Tiểu học Bãi Cháy	7N3T	3N4T	3	2.72	V.07.03.08	01/8/2018	Cử nhân GDTH	2015	B	B			
47	Đỗ Thị Hương		12/12/1983	Tổ phó CM	Tiểu học Bãi Cháy	7N3T	3N4T	3	2.72	V.07.03.08	01/11/2018	Cử nhân GDTH	2013	B	B			

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian xếp lươngchức danh nghề nghiệp giáo viên hạng ...hoặc tương đương (tính đến T3/2020)	Thời gian xếp lương chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng ... (tính đến T3/2020)	Lương hiện hưởng				Văn bằng chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Được miễn thi		Ghi chú
		Nam	Nữ					Bậc lương	Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp	Hưởng từ ngày	Trình độ chuyên môn	Năm tốt nghiệp	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
48	Nguyễn Thị Tuyết		11/7/1989	Giáo viên	Tiểu học Bãi Cháy	6N3T	3N4T	3	2.72	V.07.03.08	01/3/2019	Cử nhân GDTH	2014	C	B			
49	Nguyễn Thị Huyền Trang		24/11/1989	Tổ trưởng CM	Tiểu học Bãi Cháy	6N3T	3N4T	3	2.72	V.07.03.08	01/3/2019	Cử nhân GDTH	2014	B	B			
50	Nguyễn Thị Hiền		20/7/1988	Giáo viên	Tiểu học Bãi Cháy	8N6T	3N4T	3	2.72	V.07.03.08	01/11/2017	Cử nhân GDTH	2013	CNTTCB	B			
51	Vũ Thị Hiên		16/01/1987	Giáo viên	Tiểu học Bãi Cháy	8N5T	3N4T	4	3.03	V.07.03.08	01/8/2019	Cử nhân GDTH	2013	A	B			
52	Vũ Thị Lệ		12/12/1988	Giáo viên	Tiểu học Bãi Cháy	6N3T	3N4T	3	2.72	V.07.03.08	01/3/2020	Cử nhân GDTH	2016	B	B			
53	Lê Thị Lan Anh		13/6/1987	Giáo viên	Tiểu học Võ Thị Sáu	7N3T	3N4T	4	3.03	V.07.03.08	01/5/2018	Cử nhân GDTH	2015	CNTTCB	B			
54	Trần Ngọc Thanh		23/10/1988	Giáo viên	Tiểu học Võ Thị Sáu	8N10T	3N4T	4	3.03	V.07.03.08	01/3/2020	Cử nhân GDTH	2015	CNTTCB	B			
55	Nguyễn Thị Liên		24/01/1987	Giáo viên	Tiểu học Đại Yên	6N3T	3N4T	3	2.72	V.07.03.08	01/3/2020	Cử nhân GDTH	2013	B	B			
56	Nguyễn Thị Bích Ngà		03/8/1988	Giáo viên	Tiểu học Đại Yên	11N6T	3N4T	3	2.72	V.07.03.08	01/5/2017	Cử nhân GDTH	2019	B	B			
57	Nguyễn Thị Hà		25/02/1988	Giáo viên	Tiểu học Đại Yên	8N9T	3N4T	3	2.72	V.07.03.08	01/8/2018	Cử nhân GDTH	2015	B	B			
58	Nguyễn Thị Định		03/8/1988	Giáo viên	Tiểu học Đại Yên	8N10T	3N4T	3	2.72	V.07.03.08	01/8/2018	Cử nhân GDTH	2013	B	B			
59	Nguyễn Thị Thu Hằng		02/10/1987	Giáo viên	Tiểu học Đại Yên	8N10T	3N4T	3	2.72	V.07.03.08	01/8/2018	Cử nhân GDTH	2014	B	B			
60	Hoàng Thị Chinh		12/5/1988	Giáo viên	Tiểu học Đại Yên	6N3T	3N4T	3	2.72	V.07.03.08	01/3/2019	Cử nhân GDTH	2014	B	B			
61	Hoàng Thị Hằng		08/12/1986	Giáo viên	Tiểu học Đại Yên	7N3T	3N4T	4	3.03	V.07.03.08	01/9/2019	Cử nhân GDTH	2015	B	B			
62	Trương Thị Hồng Hạnh		10/4/1987	Giáo viên	Tiểu học Đại Yên	6N3T	3N4T	3	2.72	V.07.03.08	01/6/2019	Cử nhân GDTH	2019	B	B			
63	Hà Thị Oanh		25/5/1975	Tổ phó CM	Tiểu học Lý Thường Kiệt	20N2T	3N4T	7	3.96	V.07.03.08	01/8/2018	ĐHSP Tiểu học	2014	B	B			
64	Ngô Thị Hồng Tươi		20/02/1989	Giáo viên	Tiểu học Lý Thường Kiệt	7N3T	3N4T	3	2.72	V.07.03.08	01/11/2018	ĐHSP Tiểu học	2016	CNTTCB	B			

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian xếp lươngchức danh nghề nghiệp giáo viên hạng ...hoặc tương đương (tính đến T3/2020)	Thời gian xếp lương chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng ... (tính đến T3/2020)	Lương hiện hưởng				Văn bằng chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Được miễn thi		Ghi chú
		Nam	Nữ					Bậc lương	Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp	Hưởng từ ngày	Trình độ chuyên môn	Năm tốt nghiệp	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
65	Phạm Thị Xuân Hương		16/6/1986	Giáo viên	Tiểu học Lý Thường Kiệt	6N3T	3N4T	3	2.72	V.07.03.08	01/3/2020	ĐHSP Tiểu học	2016	CNTTCB	B2			
66	Bùi Thúy Anh		16/12/1982	Giáo viên	Tiểu học Lý Thường Kiệt	6N3T	3N4T	3	2.72	V.07.03.08	01/6/2019	ĐHSP Tiểu học	2016	CNTTCB	C			
67	Vũ Thị Hằng		28/10/1989	Giáo viên	Tiểu học Lý Thường Kiệt	6N3T	3N4T	3	2.72	V.07.03.08	01/02/2020	ĐHSP Tiểu học	2014	CNTTCB	B			
68	Hoàng Thị Thùy		03/02/1984	Giáo viên	Tiểu học Lý Thường Kiệt	6N3T	3N4T	2	2.41	V.07.03.08	01/02/2017	ĐHSP Tiểu học	2018	CNTTCB	B			
69	Nguyễn Thị Thương Hiền		13/8/1985	Giáo viên	Tiểu học Lý Thường Kiệt	11N	3N4T	3	2.72	V.07.03.08	01/5/2017	Cử nhân SP Âm nhạc	2019	A	B			
70	Hoàng Thị Linh Nhâm		18/12/1986	Giáo viên	Tiểu học Lý Thường Kiệt	7N10T	3N4T	3	2.72	V.07.03.08	01/5/2017	Cử nhân SP Mỹ thuật	2012	CNTTCB	B			
71	Nguyễn Thị Bích Phương		13/7/1988	Giáo viên	Tiểu học Lý Thường Kiệt	6N3T	3N4T	3	2.72	V.07.03.08	01/8/2018	Cử nhân GDTH	2013	CNTTCB	B1			
72	Phạm Thị Hạnh		10/4/1988	Giáo viên	Tiểu học Lý Thường Kiệt	6N3T	3N4T	3	2.72	V.07.03.08	01/3/2020	Cử nhân GDTH	2016	CNTTCB	B			
73	Dương Hải Sâm		28/02/1988	Giáo viên	Tiểu học Lý Thường Kiệt	6N3T	3N4T	3	2.72	V.07.03.08	01/5/2017	Cử nhân GDTH	2014	CNTTCB	C			
74	Lê Thị Huyền Trang		21/11/1985	Giáo viên	Tiểu học Lý Thường Kiệt	10N1T	3N4T	4	3.03	V.07.03.08	01/3/2020	Cử nhân GDTH	2013	CNTTCB	C			
75	Vũ Thị Duyên		10/5/1988	Giáo viên	Tiểu học Hà Khẩu	7N9T	3N4T	3	2.72	V.07.03.08	01/02/2019	Cử nhân GDTH	2014	CNTTCB	B			
76	Tẩy Thị Kim Dung		02/10/1987	Giáo viên	Tiểu học Hà Khẩu	10N1T	3N4T	4	3.03	V.07.03.08	01/11/2018	Cử nhân GDTH	2013	CNTTCB	B			
77	Đinh Nguyên Ngọc Diệp		31/8/1990	Giáo viên	Tiểu học Hà Khẩu	6N3T	3N4T	3	2.72	V.07.03.08	01/3/2019	Cử nhân GDTH	2015	CNTTCB	B1			
78	Nguyễn Thị Lan		29/3/1984	Giáo viên	Tiểu học Hà Khẩu	6N3T	3N4T	3	2.72	V.07.03.08	01/02/2020	Cử nhân GDTH	2016	CNTTCB	C			
79	Phan Thị Thùy		21/3/1990	Giáo viên	Tiểu học Hà Khẩu	6N3T	3N4T	3	2.72	V.07.03.08	01/8/2019	Cử nhân GDTH	2015	CNTTCB	B			
80	Phạm Thị Kim Oanh		10/02/1987	Giáo viên	Tiểu học Hà Khẩu	7N3T	3N4T	3	2.72	V.07.03.08	01/8/2019	Cử nhân GDTH	2015	ASDL	C			
81	Nguyễn Thị Mây		23/6/1987	Giáo viên	TH&THCS Minh Khai	7N10T	3N4T	3	2,72	V.07.03.08	01/8/2018	Cử Nhân GDTH	2013	B	B			

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian xếp lươngchức danh nghề nghiệp giáo viên hạng ...hoặc tương đương (tính đến T3/2020)	Thời gian xếp lương chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng ... (tính đến T3/2020)	Lương hiện hưởng				Văn bằng chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Được miễn thi		Ghi chú
		Nam	Nữ					Bậc lương	Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp	Hưởng từ ngày	Trình độ chuyên môn	Năm tốt nghiệp	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
82	Phạm Thị Hiền Lương		17/9/1990	Giáo viên	TH&THCS Minh Khai	6N3T	3N4T	3	2,72	V.07.03.08	01/02/2020	Cử Nhân GDTH	2014	B	B			
83	Khuất Thị Thu Linh		25/8/1987	Giáo viên	TH&THCS Minh Khai	6N3T	3N4T	3	2.72	V.07.03.08	01/3/2020	Cử Nhân GDTH	2016	B	C			
84	Phạm Thị Giang		21/02/1989	Giáo viên	TH&THCS Tuấn Châu	7N3T	3N4T	3	2.72	V.07.03.08	01/9/2018	Cử nhân GDTH	2013	CNTTCB	B			
85	Lã Thị Hiền		16/11/1987	Tổ trưởng CM	TH&THCS Nguyễn Viết Xuân	6N3T	3N4T	3	2.72	V.07.03.08	01/4/2020	Cử nhân GDTH	2015	B	B			
86	Vũ Thúy Hằng		24/01/1979	Tổ trưởng CM	TH&THCS Hùng Thắng	23N6T	3N4T	8	4,27	V.07.03.08	01/3/2019	Cử nhân GDTH	2013	B	B			
87	Nguyễn Thị Thùy Ninh		08/12/1987	Giáo viên	TH&THCS Hùng Thắng	6N3T	1N11T	2	2,41	V.07.03.08	01/8/2017	Cử nhân GDTH	2015	B	B			
88	Đinh Thị Yến		20/6/1990	Giáo viên	Tiểu học Trới	7 n 3 t	3 n 1 t	3	2,72	V.07.03.08	01/12/2018	ĐHSP Tiểu học	2016	Tin B	Anh B			
89	Nguyễn Thị Yên		21/12/1989	Giáo viên	Tiểu học Trới	8 n 4 t	3 n 1 t	3	2,72	V.07.03.08	01/11/2018	ĐHSP Tiểu học	2017	Tin B	Anh B			
90	Đỗ Thị Nhung		09/02/1985	Giáo viên	Tiểu học Trới	11 n 3 t	3 n 1 t	3	2.72	V.07.03.08	01/06/2017	ĐHSP Tiểu học	2016	Tin B	Anh B			
91	Nguyễn Phương Duyên		26/12/1986	Giáo viên	Tiểu học Trới	7 n 3 t	3 n 1 t	3	2,72	V.07.03.08	01/12/ 2019	ĐHSP Tiểu học	2016	Tin B	Anh B			
92	Nguyễn Thị Phương		13/10/1988	Giáo viên	Tiểu học Trới	8 n 5 t	3 n 1 t	4	3,03	V.07.03.08	01/9/2018	ĐHSP Âm nhạc	2019	Tin B	Anh B			
93	Trần Thị Thu Thủy		21/6/1975	Giáo viên	Tiểu học Trới	20 n 6 t	3 n 1 t	7	3,96	V07.03.08	01/4/2018	ĐHSP Ngoại ngữ	2013	Tin B	Anh B2			
94	Bùi Thị Thủy		25/02/1986	Giáo viên	Tiểu học Lê Lợi	12n 3t	3 n 1 t	3	2,72	V.07.03.08	01/06/2017	ĐHSP Tiểu học	2014	Tin B	Anh B			
95	Dương Thị Huyền Thương		25/6/1986	Giáo viên	Tiểu học Sơn Dương	7n 10t	3 n 1 t	4	3,03	V.07.03.08	01/11/2019	ĐHSP Tiểu học	2016	Tin B	Anh B			
96	Lộc Thị Minh Trang		12/3/1986	Giáo viên	Tiểu học Sơn Dương	9n 2t	3 n 1 t	3	2.72	V.07.03.08	01/3/2019	ĐHSP Tiểu học	2016	Tin B	Anh B			
97	Nguyễn Thị Dung		05/02/1981	Giáo viên	Tiểu học Sơn Dương	23n 1t	3 n 1 t	6	3.65	V.07.03.08	01/02/2019	ĐHSP Tiểu học	2018	Tin B	Anh B			
98	Nguyễn Thanh Mai		05/12/1990	Giáo viên	Tiểu học Quảng La	7 n 9t	3 n 1 t	3	2,72	V.07.03.08	01/12/2018	ĐHSP Tiểu học	2015	Tin B	Anh B			

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian xếp lươngchức danh nghề nghiệp giáo viên hạng ...hoặc tương đương (tính đến T3/2020)	Thời gian xếp lương chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng ... (tính đến T3/2020)	Lương hiện hưởng				Văn bằng chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Được miễn thi		Ghi chú
		Nam	Nữ					Bậc lương	Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp	Hưởng từ ngày	Trình độ chuyên môn	Năm tốt nghiệp	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
99	Dương Thị Lân		23/01/1987	Giáo viên	Tiểu học Quảng La	7 n 3t	3 n 1 t	4	3,03	V.07.03.08	01/5/2017	ĐHSP Tiểu học	2016	Tin B	Anh B			
100	Hoàng Thị Hà		26/9/1981	Giáo viên	TH&THCS Dân Chủ	7 n	3 n 1 t	3	2.72	V.07.03.08	01/5/2017	ĐHSP Tiểu học	2016	Tin B	Anh C			
101	Đinh Thị Thúy Vân		25/6/1988	Giáo viên	TH&THCS Thống Nhất	9n 8t	3 n 1 t	3	2.72	V07.03.08	01/8/2017	ĐHSP Âm nhạc	2019	Tin B	Anh B			
102	Đỗ Kim Dung		06/7/1983	Giáo viên	TH&THCS Thống Nhất	13n 7t	3 n 1 t	4	3,03	V07.03.08	01/10/2017	ĐHSP Âm nhạc	2019	Tin B	Anh B			
103	Phạm Lệ Hằng		07/3/1984	Giáo viên	TH&THCS Thống Nhất	12n 3t	3 n 1 t	5	3,34	V07.03.08	01/02/2019	ĐHSP Âm nhạc	2019	Tin B	Anh B			
104	Ngọc Thị Giang		29/3/1987	Giáo viên	TH&THCS Đồng Sơn	8n 3t	3 n 1 t	3	2,72	V.07.03.08	01/12/2018	ĐHSP Tiểu học	2016	Tin B	Anh B			
105	Vi Ngọc Ân		18/3/1989	Giáo viên	TH&THCS Đồng Sơn	8 n 3t	3 n 1 t	3	2,72	V.07.03.08	01/11/2018	ĐHSP Tiểu học	2016	Tin B	Anh B			
106	Nguyễn Thị Thu		03/8/1978	Giáo viên	TH&THCS Đồng Sơn	13 n1t	3 n 1 t	5	3,34	V.07.03.08	01/04/2019	ĐHSP Tiểu học	2016	UDCNTT CB	A2			
107	Đặng Thị Dung		04/8/1987	Giáo viên	PT DTBT TH&THCS Đồng Lâm 2	9 n 8t	3 n 1 t	3	2.72	V.07.03.08	01/01/2018	ĐHSP Tiểu học	2016	UDCNTT CB	A2			
108	Trần Thúy Lan		02/3/1988	Giáo viên	TH&THCS Vũ Oai	6 n 11 t	3 n 1 t	3	2.72	V.07.03.08	01/5/2019	ĐHSP Tiểu học	2016	Tin B	Anh B			
109	Nguyễn Thị Tuyến		27/8/1987	Giáo viên	TH&THCS Vũ Oai	11 n 1 t	3 n 1 t	4	3.03	V.07.03.08	01/12/2019	ĐHSP Tiểu học	2016	Tin B	Anh B			
110	Trần Thị Bích Liên		25/02/1985	Giáo viên	TH&THCS Vũ Oai	11 n 2 t	3 n 1 t	4	3.03	V.07.03.08	01/03/2018	ĐHSP Âm nhạc	2019	Tin B	Anh B			
111	Nguyễn Thị Loan		26/12/1988	Giáo viên	TH&THCS Vũ Oai	7 n 4 t	3 n 1 t	3	2.72	V07.03.08	01/12/2018	ĐHSP Tiểu học	2014	Tin B	Anh B			

(Ấn định Danh sách trên có 111 người)

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG

Biểu số 4

DANH SÁCH VIÊN CHỨC ĐỦ TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN TRUNG HỌC CƠ SỞ

(Kèm theo Công văn số 3557/UBND-TCNV ngày 27/4/2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hạ Long)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian xếp lươngchức danh nghề nghiệp giáo viên hạng ...hoặc tương đương (tính đến T4/2020)	Thời gian xếp lương chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng ... (tính đến T4/2020)	Lương hiện hưởng				Văn bằng chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Được miễn thi		Ghi chú
		Nam	Nữ					Bậc lương	Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp	Hưởng từ ngày	Trình độ chuyên môn	Năm tốt nghiệp	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	Từ hạng III lên hạng II																	
1	Ngô Thị Phương		08/7/1979	Giáo viên	THCS Cao Xanh	11N4T	3N4T	5	3.34	V.07.04.12	01/12/2019	ĐHSP Mĩ thuật	2014	ICDL VP	B			
2	Nguyễn Ánh Tuyết		14/3/1968	Phó Hiệu trưởng	THCS Việt Hưng	15N7T	3N4T	10	4,89, VK 6%	V.07.04.12	01/12/2019	ĐHGDCT	2017	CNTTCB	B		x	
3	Trần Thị Hồng Phấn		12/5/1974	Giáo viên	THCS Việt Hưng	23N7T	3N4T	8	4.27	V.07.04.12	01/7/2019	ĐHSP Mĩ thuật	2019	B	C			
4	Vũ Thị Lan Chi		17/01/1986	Giáo viên	TH&THCS Minh Khai	10N4T	3N4T	4	3,03	V.07.04.12	01/01/2019	ĐHSP Ngữ văn	2012	B	B			
5	Võ Thị Chung		16/12/1979	Giáo viên	TH&THCS Minh Khai	14N6T	3N4T	5	3,34	V.07.04.12	01/11/2017	ĐHSP Toán	2019	CĐSP Toán - Tin	B	x		
6	Đỗ Thị Mây		12/7/1979	Giáo viên	THCS Đại Yên	14N10T	3N4T	6	3.65	V.07.04.12	01/11/2019	ĐHSP Mỹ thuật	2019	B	B			
7	Trần Ngọc Lương		17/5/1985	Giáo viên	THCS Trần Quốc Toản	10N8T	3N4T	4	3.03	V.07.04.12	01/9/2017	ĐHSP Ngữ văn	2019	B	A2			
8	Nguyễn Thị Hoa		30/8/1974	Giáo viên	THCS Kim Đồng	14N10T	2N3T	6	3,65	V.07.04.12	01/7/2019	Cử nhân SP Mỹ thuật	2019	B	B			
9	Dương Thùy Linh		22/12/1985	Giáo viên	THCS Cao Thắng	11N2T	3N4T	5	3.34	V.07.04.12	01/3/2020	Đại học	2015	B	A2			
10	Hà Thị Hoàn		14/4/1977	Giáo viên	THCS Lý Tự Trọng	13N6T	1N 4T	6	2.86	V.07.03.09	01/02/2020	ĐH Giáo dục Công dân	2011	B	B			
11	Vũ Văn Kế	21/01/1984		Giáo viên	TH&THCS Núi Mẫn	10N10T	3N1T	4	3,03	V.07.04.12	01/4/2018	ĐHSP Toán	2018	Tin B	Anh B			
12	Phạm Thị Hiền		20/12/1979	Giáo viên	THCS Sơn Dương	15N7T	3N1T	5	3.34	V07.04.12	01/08/2017	ĐHSP Hóa	2019	Tin B	Anh B			
13	Cao Thị Hằng		09/9/1967	Phó Hiệu trưởng	PT DTNT Hoành Bồ	21N7T	3N1T	8	4,27	V.07.04.12	01/4/2018	ĐHGDCT	2017	Tin B	Anh B		x	Tuổi trên 50
14	Lê Phương Thảo		27/8/1988	Giáo viên	THCS Sơn Dương	7N3T	3N1T	3	2.72	V07.04.12	01/12/2019	ĐHSP Anh	2019	Tin B	Anh B2		x	
	Từ hạng II lên hạng I																	
1	Bùi Hoàng Anh		27/01/1972	Hiệu trưởng	THCS Bãi Cháy	14N10T	3N4T	9	4,98	V.07.04.11	01/3/2019	ĐHSP Toán	2000	B	B1			

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian xếp lương chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng ...hoặc tương đương (tính đến T4/2020)	Thời gian xếp lương chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng ... (tính đến T4/2020)	Lương hiện hưởng				Văn bằng chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Được miễn thi		Ghi chú
		Nam	Nữ					Bậc lương	Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp	Hưởng từ ngày	Trình độ chuyên môn	Năm tốt nghiệp	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
2	Đoàn Ngọc Hà		30/3/1984	Giáo viên	THCS Trọng Điểm	8N10T	3N4T	5	3.66	V.07.04.11	01/12/2018	Thạc sĩ Ngữ văn	2010	CNTTCB	C			
3	Khổng Thị Hoài Thu		12/10/1982	Giáo viên	THCS Trọng Điểm	9N	3N4T	6	3,99	V.07.04.11	01/9/2018	ĐHSP Ngữ văn	2009	B	B2			
4	Đặng Thị Thu Hằng		22/11/1979	Giáo viên	THCS Trọng Điểm	8N5T	3N4T	6	3.99	V.07.04.11	01/12/2018	ĐHSP Âm nhạc	2009	CNTTCB	C			
5	Lưu Thị Xuân Phương		15/02/1975	Hiệu trưởng	THCS Nguyễn Văn Thuộc	20N	3N4T	7	4,32	V.07.04.11	01/4/2017	ThS QLGD	2014	Trung cấp	Bậc 4	x	x	ĐH Toán Tin
6	Vũ Kim Yến		08/12/1974	Hiệu trưởng	THCS Lê Văn Tám	14N10T	3N4T	9	4.98	V07.04.11	01/01/2018	ĐHSP Toán	2000	CNTTCB	B1			
7	Đỗ Thị Ngọc Lan		19/10/1974	Hiệu trưởng	TH&THCS Bãi Cháy 2	11N2T	3N4T	8	4,65	V.07.04.11	01/6/2017	ĐHSP Ngữ văn	2006	Trung cấp	B1	x		
8	Nguyễn Thị Nga		22/10/1978	Tổ trưởng CM	TH&THCS Bãi Cháy 2	14N10T	3N4T	7	4,32	V.07.04.11	01/6/2017	Thạc sĩ Ngữ văn	2015	Trung cấp	B1	x		
9	Nguyễn Quỳnh Lan		15/10/1978	Giáo viên	TH&THCS Bãi Cháy 2	14N6T	3N4T	6	3,99	V.07.04.11	01/12/2017	ĐH Ngoại ngữ (tiếng Trung)	2000	B	ĐH			
10	Nguyễn Thị Hương		10/71981	Giáo viên	TH&THCS Bãi Cháy 2	14N6T	3N4T	5	3,66	V.07.04.11	01/10/2017	ĐH Ngoại ngữ (tiếng Trung)	2003	A	ĐH			
11	Hoàng Thu Hà		27/4/1978	Phó Hiệu trưởng	THCS Lý Tự Trọng	19N 8T	3N4T	8	4.65	V.07.04.11	01/3/2020	ĐH Ngoại ngữ (tiếng Anh)	1999	B	B2			
12	Phí Thị Thiết		25/12/1980	Giáo viên	THCS Lý Tự Trọng	9N	3N4T	7	4.32	V.07.04.11	01/5/2020	ĐH Tiếng Anh	2010	CNTTCB	C			
13	Đỗ Thị Kim Dung		09/10/1968	Giáo viên	THCS Lý Tự Trọng	22N 7T	3N4T	8	4.65	V.07.04.11	01/6/2018	ĐHSP TDTT	2007	B	C		x	Trên 50 tuổi
14	Nguyễn Thị Thủy		07/7/1983	Giáo viên	THCS Đại Yên	8N5T	3N4T	5	3.66	V.07.04.11	01/9/2017	ĐHSP Hóa Học	2008	CNTTCB	C			
15	Đàm Thị Thanh Tâm		08/12/1969	Hiệu trưởng	THCS Trần Quốc Toản	14N10T	3N4T	9	4,98, VK 6%	V.07.04.11	01/7/2019	ThS QLGD; ĐHSP Ngữ văn	2000	CNTTCB	B1		x	
16	Phạm Thị Bích Ngọc		26/8/1968	Phó Hiệu trưởng	THCS Trần Quốc Toản	14N10T	3N4T	9	4,98, VK 5%	V.07.04.11	01/7/2019	ĐHSP Ngữ văn	2000	CNTTCB	C		x	
17	Trần Thương		05/3/1976	Phó Hiệu trưởng	THCS Trần Quốc Toản	8N5T	3N4T	8	4.65	V.07.04.11	01/3/2020	Th.sỹ QLGD	2019	Trung cấp	B1	x		
18	Đồng Thị Thanh Hương		02/10/1970	Tổ trưởng CM	THCS Trần Quốc Toản	11N2T	3N4T	9	4.98	V.07.04.11	01/11/2018	ĐHSP Toán	2005	CNTTCB	C		x	
19	Phạm Thị Phương		02/3/1974	Tổ trưởng CM	THCS Trần Quốc Toản	14N10T	3N4T	9	4.98	V.07.04.11	01/12/2019	ĐH Tiếng Anh	1995	CNTTCB	C		x	
20	Phan Thị Ngọc Oanh		12/01/1975	Tổ Trưởng CM	THCS Trần Quốc Toản	14N10T	3N4T	9	4.98	V.07.04.11	01/3/2019	ĐHSP Ngữ văn	2000	CNTTCB	C			
21	Nguyễn Thị Thu Hương		08/12/1979	Giáo viên	THCS Trần Quốc Toản	8N5T	3N4T	7	4.32	V.07.04.11	01/6/2019	ĐHSP Hóa Học	2008	CNTTCB	C			
22	Nguyễn Thị Toàn		28/6/1970	Tổ trưởng CM	THCS Hồng Hải	8N5T	3N4T	9	4,98	V.07.04.11	01/12/2018	ĐH SP toán	2009	CNTTCB	C		x	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian xếp lươngchức danh nghề nghiệp giáo viên hạng ...hoặc tương đương (tính đến T4/2020)	Thời gian xếp lương chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng ... (tính đến T4/2020)	Lương hiện hưởng				Văn bằng chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Được miễn thi		Ghi chú
		Nam	Nữ					Bậc lương	Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp	Hưởng từ ngày	Trình độ chuyên môn	Năm tốt nghiệp	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
23	Bùi Thị Hương		05/8/1985	Tổ trưởng CM	TH&THCS Tuần Châu	8N5T	3N4T	5	3,66	V.07.04.11	01/12/2019	ĐHSP Ngữ văn	2010	Trung cấp	C	x		
24	Đoàn Hạnh		30/11/1979	Tổ phó CM	THCS Cao Thắng	8N5T	3N4T	5	3.66	V.07.04.11	01/4/2018	ĐHSP Toán	2009	B	C			
25	Nguyễn Thị Hương		11/11/1977	Giáo viên	THCS Cao Thắng	11N2T	3N4T	8	4.65	V.07.04.11	01/9/2018	ĐHSP Toán	2006	Trung cấp	Bậc 3			CĐ Toán Lý Tin
26	Đỗ Thị Thúy Loan		14/9/1975	Phó Hiệu trưởng	THCS Trới	20N7T	3N1T	8	4.65	V.07.04.11	01/9/2018	ĐHSP Tiếng Anh	1998	CNTTCB	Anh B		x	Tiếng Dao
27	Vũ Thị Hải My		23/10/1978	Giáo viên	THCS Trới	7N11T	3N1T	7	4.32	V.07.04.11	01/6/2018	ĐHSP Ngữ Văn	2010	CNTTCB	Anh C			
28	Nguyễn Thị Nguyệt		06/01/1981	Giáo viên	THCS Trới	19N	1N3T	7	4.32	V.07.04.11	01/3/2018	ĐHSP Văn	2009	Tin B	Anh B1			
29	Lương Thu Thủy		14/9/1981	Giáo viên	PT DTBT TH&THCS Đồng Lâm 1	14N8T	3N1T	6	3,99	V.07.04.11	01/8/2019	ĐHSP Tiếng Anh	2004	CNTTCB	Đại học		x	
30	Đặng Ngọc Lĩnh	08/5/1985		Giáo viên	PT DTBT TH&THCS Đồng Lâm 1	6N4T	3N1T	3	3,0	V.07.04.11	01/12/2018	Đại học SP Địa lí	2007	CNTTCB	Anh C			
31	Trịnh Xuân Diệp	28/5/1978		Giáo viên	TH&THCS Bằng Cả	7N10T	3N1T	7	4.32	V.07.04.11	01/9/2019	Đại học SP Văn	2009	CNTTCB	Anh C			
32	Nguyễn Văn Huấn	02/3/1981		Giáo viên	TH&THCS Dân Chủ	8N	3N1T	7	4,32	V.07.04.11	01/5/2019	ĐHSP Ngữ Văn	2010	Tin B	Anh C			
33	Nguyễn Thị Lan Anh		21/7/1975	Giáo viên	THCS Trới	20N7T	3N1T	8	4.65	V.07.04.11	01/09/2019	ĐHSP Tiếng Anh	1998	Tin B	Đại học		x	

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG

Biểu số 5

DANH SÁCH VIÊN CHỨC ĐỦ TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

(Kèm theo Công văn số 3557/UBND-TCNV ngày 27/4/2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hạ Long)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian xếp lươngchức danh nghề nghiệp giáo viên hạng ...hoặc tương đương	Thời gian xếp lương chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng ...	Lương hiện hưởng				Văn bằng chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi				Được miễn thi		Ghi chú
		Nam	Nữ					Bậc lương	Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp	Hưởng từ ngày	Trình độ chuyên môn	Năm tốt nghiệp	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
	Từ hạng III lên hạng II																	
1	Vũ Thị Hà		25/10/1986	Giáo viên	TT GDNN-GDTX	11	11	4	3.33	V.07.05.15	01/08/2018	ĐH ngữ văn	2008	Trung cấp	B			
2	Đặng Lê Mai Linh		16/12/1990	Giáo viên	TT GDNN-GDTX	8	8	2	2.67	V.07.05.15	01/08/2017	Thạc sỹ Địa Lí	2016	Trung cấp	B2		x	
3	Nguyễn Thị Len		17/12/1989	Giáo viên	TT GDNN-GDTX	9	9	3	3.00	V.07.05.15	01/09/2019	ĐH Toán	2011	Trung cấp	B			

(Ấn định Danh sách trên có 03 người)